

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL tăng điểm sai khi số liệu PMI của Việt Nam vẫn khả quan

[Thông tin doanh nghiệp]

ACV, POW

[Cập nhật công ty]

VIC

[Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị tiếp tục nắm giữ các vị thế đã mở và có thể hạ dần tỷ trọng khi chỉ số tiếp cận vùng cản đã đề cập

01/08/2022

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,231.35	+2.07
VN30	1,256.25	+1.97
HĐTL VN30F1M	1,244.40	+1.11
HNXIndex	294.62	+2.08
HNX30	537.81	+2.72
UPCoM	89.91	+0.33
USD/VND	23,354	+0.05
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	3.53	+3
Lãi suất qua đêm (%)	3.92	+61
Dầu (WTI, \$)	96.31	-2.34
Vàng (LME, \$)	1,765.79	-0.01



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,231.35 (+2.07%)
KLGD (triệu CP) 708.7 (+41.6%)
GTGD (triệu US\$) 693.5 (+7.7%)

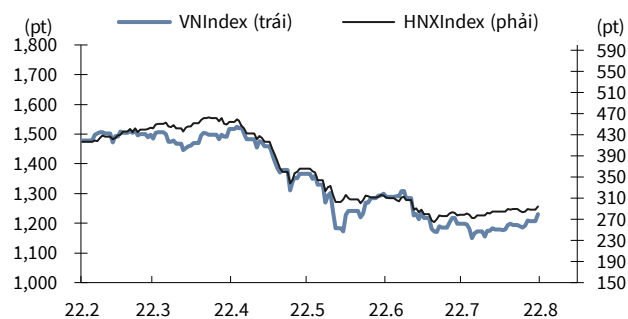
HNXIndex 294.62 (+2.08%)
KLGD (triệu CP) 83.2 (+30.8%)
GTGD (triệu US\$) 65.2 (+24.2%)

UPCoM 89.91 (+0.33%)
KLGD (triệu CP) 50.5 (-9.8%)
GTGD (triệu US\$) 39.1 (+34.0%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) +26.8

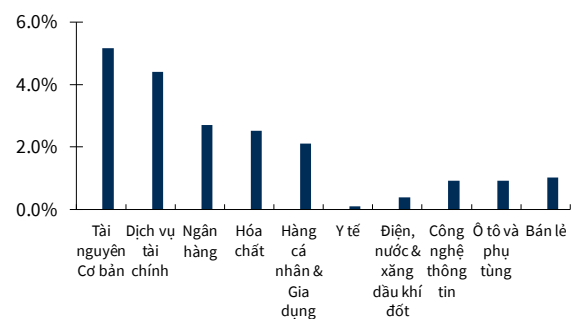
TTCK Việt Nam tăng điểm sau khi IHS Markit vừa công bố báo cáo cho thấy Chỉ số nhà quản trị mua hàng (PMI) tháng 7 tại Việt Nam đạt 51.2 điểm, đạt trên ngưỡng 50 điểm và giá xăng tiếp tục giảm giúp giảm áp lực lạm phát. Cổ phiếu nhóm ngân hàng tăng điểm ở CTG (+5.5%), MBB (+3.3%) sau khi nhiều ngân hàng còn bố kết quả kinh doanh Q2/2022 khả quan hơn so với cùng kỳ. Báo cáo của Bộ Xây dựng cho thấy giá thuê bất động sản khu công nghiệp (KCN) trong quý II tiếp tục có xu hướng tăng so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực phía Bắc tăng 5 - 12% và khu vực phía Nam là 8 - 13% so với cùng kỳ năm ngoái tác động tích cực đến cổ phiếu nhóm BĐS khu công nghiệp ở KBC (+4.9%), PHR (+1.6%). Khối ngoại mua ròng ở SSI (+6.8%), STB (+2%), HPG (+6.1%).

VNIndex & HNXIndex



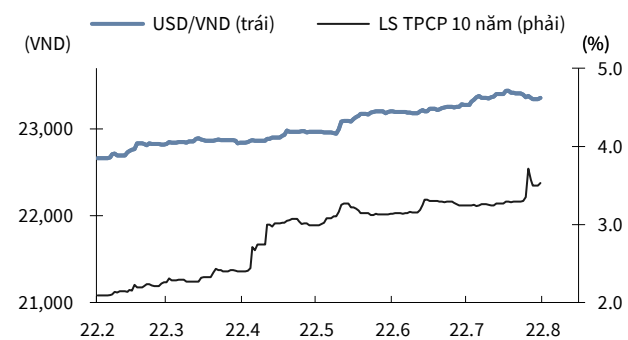
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



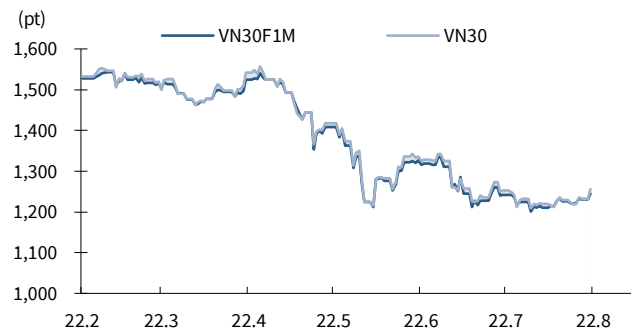
Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,256.25 (+1.97%)
VN30F1M	1,244.4 (+1.11%)
Mở cửa	1,232.1
Cao nhất	1,246.0
Thấp nhất	1,231.0
KLGD (HĐ)	202,321 (+20.8%)

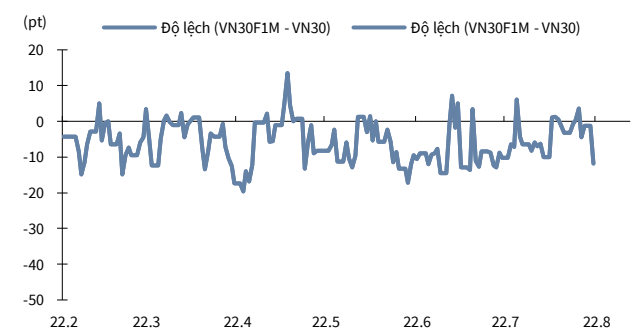
Các HĐTL tăng điểm sai khi số liệu PMI của Việt Nam vẫn khả quan. Chênh lệch F2208 và chỉ số VN30 mở cửa ở mức -1.3 điểm sau đó giảm dần trong phiên giao dịch và đóng cửa ở mức thấp nhất phiên tại -11.85 điểm. Khối ngoại mua ròng trong phiên hôm nay với thanh khoản thị trường cải thiện.

HĐTL VN30F1M & VN30



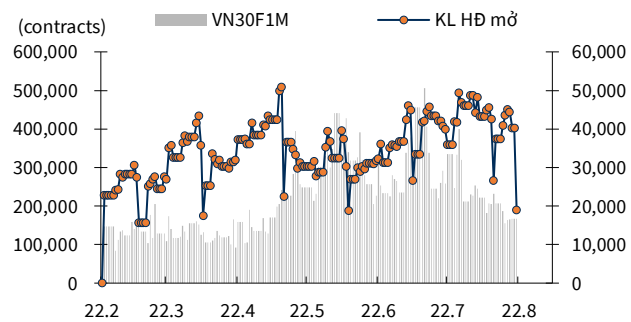
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



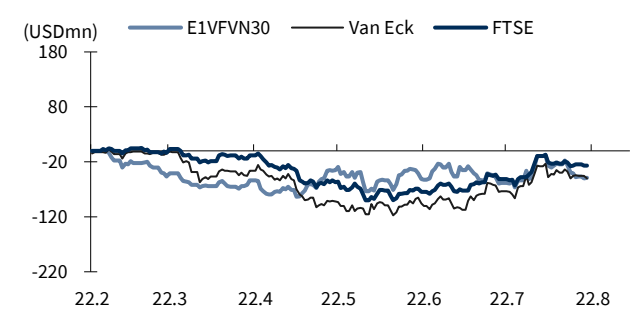
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

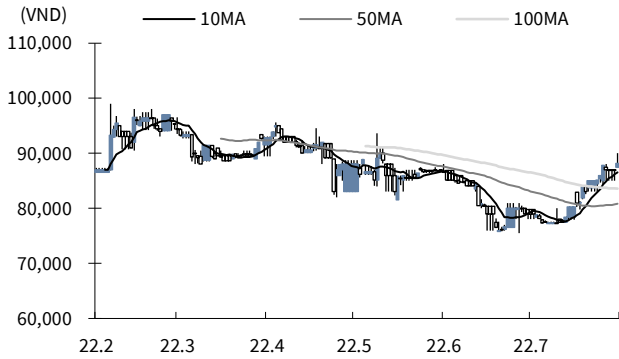
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP (ACV)

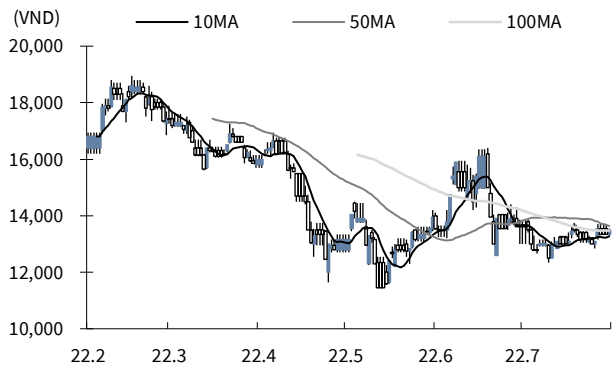


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- ACV tăng 2.32% lên 88,200 VND/cp

- Tổng công ty cảng hàng không Việt Nam công bố kết quả kinh doanh quý II với lợi nhuận 2,598 tỷ đồng, gấp 7.6 lần cùng kỳ và doanh thu thuần 3,429 tỷ đồng, gấp 2.5 lần so với cùng kỳ 2021. Trong đó, doanh thu cung cấp dịch vụ hàng không đạt 3,265 tỷ đồng, tăng 123% YoY, doanh thu bán hàng là 163.8 tỷ đồng, gấp 2.7 lần cùng kỳ.

Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP (POW)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- POW tăng 1.12% lên 13,500 VND/cp

- PV Power ghi nhận lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ quý II giảm 51% xuống 417 tỷ đồng và doanh thu đạt 7,462 tỷ đồng doanh thu thuần, giảm 6% so với cùng kỳ năm trước. Công ty cho biết giá nhiên liệu than và khí được chấp nhận trong doanh thu thấp hơn giá than và khí thực tế phải trả cho bên cung cấp của các nhà máy nhiệt điện Cà Mau và Vũng Áng 1 khiến biên lợi nhuận gộp giảm.

Vingroup (VIC)

Lãi ròng quý 2/2022 tăng 120%YoY

Vingroup đã công bố KQKD Quý 2/2022 với doanh thu đạt 13,854 tỷ VND (-66%YoY), LNST của cổ đông công ty mẹ đạt 3,191 tỷ VND (120%YoY) nhờ ghi nhận khoản lãi 9,784 tỷ từ thoái vốn tại One Mount Group và VinWonders Nha Trang.

Hoạt động bán hàng trong quý 2 đạt kết quả tốt, cho thuê BĐS hồi phục mạnh mẽ.

- Doanh thu quý 2/2022 của riêng Vinhomes (bao gồm cả doanh thu bán buôn và BCC) đạt 4,668 tỷ VND (-83%YoY), LNST của cổ đông công ty mẹ đạt 509 tỷ VND (-95%YoY) chủ yếu do thời điểm bàn giao sẽ tập trung vào 6 tháng cuối năm. Doanh số bán và chưa ghi nhận doanh thu đến cuối quý 1/2022 đạt 129.3 nghìn tỷ VND (+127%YoY) nhờ mở bán dự án Vinhomes The Empire.
- Vinhomes đã mở bán khoảng 5,800 căn thấp tầng tại dự án Vinhomes The Empire vào cuối tháng 4/2022. Tính đến cuối quý 2, 86% số căn đã được bán với tổng giá trị hợp đồng đạt khoảng 49 nghìn tỷ VND. Ban lãnh đạo chia sẻ rằng, với tiến độ triển khai đúng theo kế hoạch, Vinhomes dự kiến sẽ bàn giao 45% số căn thấp tầng trong tổng số 12,600 căn của dự án, tương đương với doanh thu ghi nhận đạt 60 nghìn tỷ VND từ cuối Quý 3/2022. Như vậy, trong nửa đầu năm 2022, tổng giá trị hợp đồng đã bán của Vinhomes đạt 92.5 nghìn tỷ VND, đạt 77% kế hoạch cả năm.
- Đối với Vincom Retail: Kết quả kinh doanh quý 2/2021 hồi phục so với cùng kỳ, cụ thể doanh thu quý 2/2022 đạt 1,850 tỷ VND (+23% YoY) và LNST của cổ đông công ty mẹ đạt 773 tỷ VND (+100YoY). KQKD hồi phục so với cùng kỳ do (1) Gói hỗ trợ cho khách trong quý 2/2022 thấp hơn so với năm Quý 2/2021 khi thị trường bán lẻ hồi phục mạnh mẽ và (2) Mở mới 3 TTTM Smart City, Mỹ Tho và Bạc Liêu. Tính đến hết quý 2/2022, tổng diện tích sàn cho thuê của VRE là 1,75 triệu m² (+6%YoY). Tỷ lệ lấp đầy trong quý đạt 82.5%, giảm 1.6 điểm phần trăm so với cùng kỳ.

Mảng sản xuất: Đẩy mạnh phát triển ô tô điện.

- Doanh thu mảng sản xuất trong quý 2/2022 đạt 3,284 tỷ VND (-27%YoY). Lợi nhuận gộp mảng sản xuất âm 7,404 tỷ VND do ghi nhận chi phí từ dừng sản xuất xe xăng.
- Trong Quý 2, VinFast bán được 8,000 xe ô tô (-18%YoY) và 15,300 xe máy điện (-9% YoY), duy trì vị trí đứng đầu về thị phần xe máy điện. Trong quý, công ty đã bàn giao khoảng 1,680 xe ô tô điện VF e34, dự kiến cả năm bàn giao khoảng 18,000 xe điện VF e34 đến khách hàng. VinFast đã nhận được hơn 60,000 đơn đặt hàng trước cho hai mẫu xe ô tô điện VF8 và VF9, trong đó 20% là các đơn đặt hàng từ nước ngoài, phần lớn đến từ Mỹ. Dự kiến mẫu xe VF8 sẽ bắt đầu được bàn giao cho khách hàng từ cuối tháng 8.

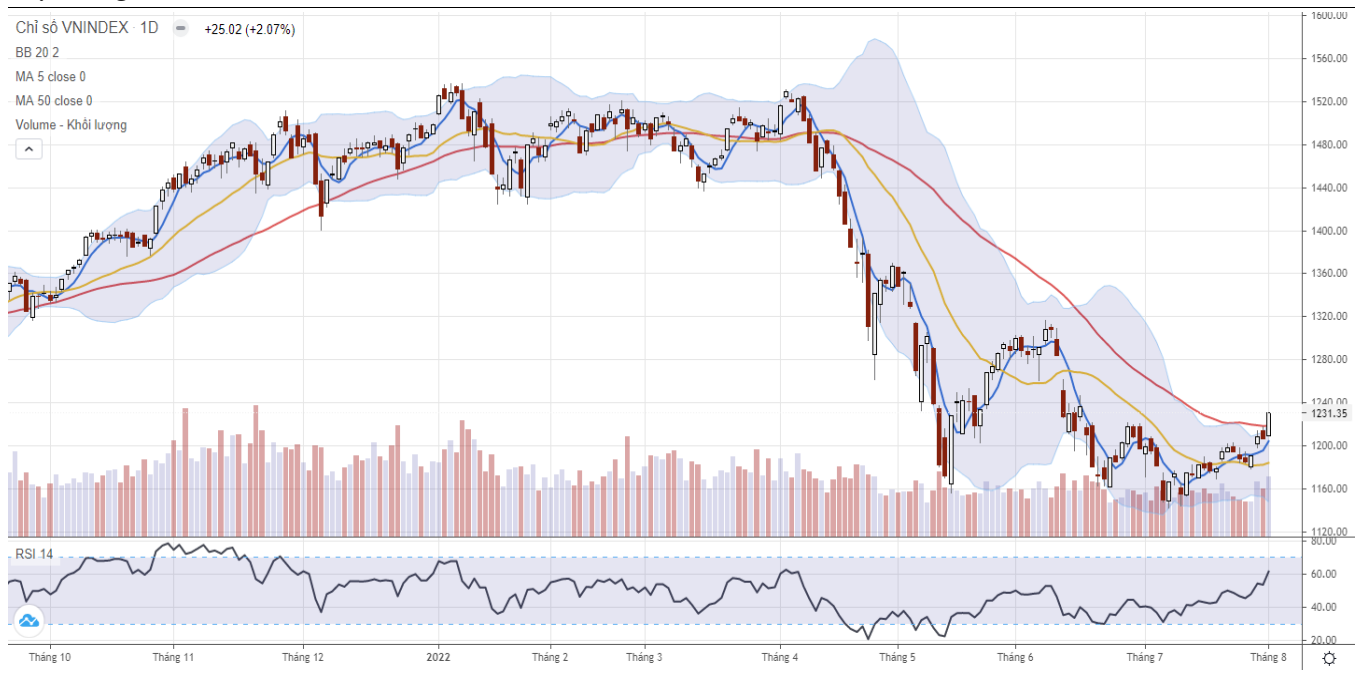
Các hoạt động kinh doanh khác

- Mảng du lịch khách sạn, vui chơi giải trí ghi nhận sự hồi phục mạnh mẽ với doanh thu đạt 2,016 tỷ VND (+112%YoY). Số lượng đêm phòng bán trong quý 2/2022 đạt 258 nghìn (+26%YoY), số lượt khách đến VinWonders đạt 1,904 nghìn (+324%YoY).

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

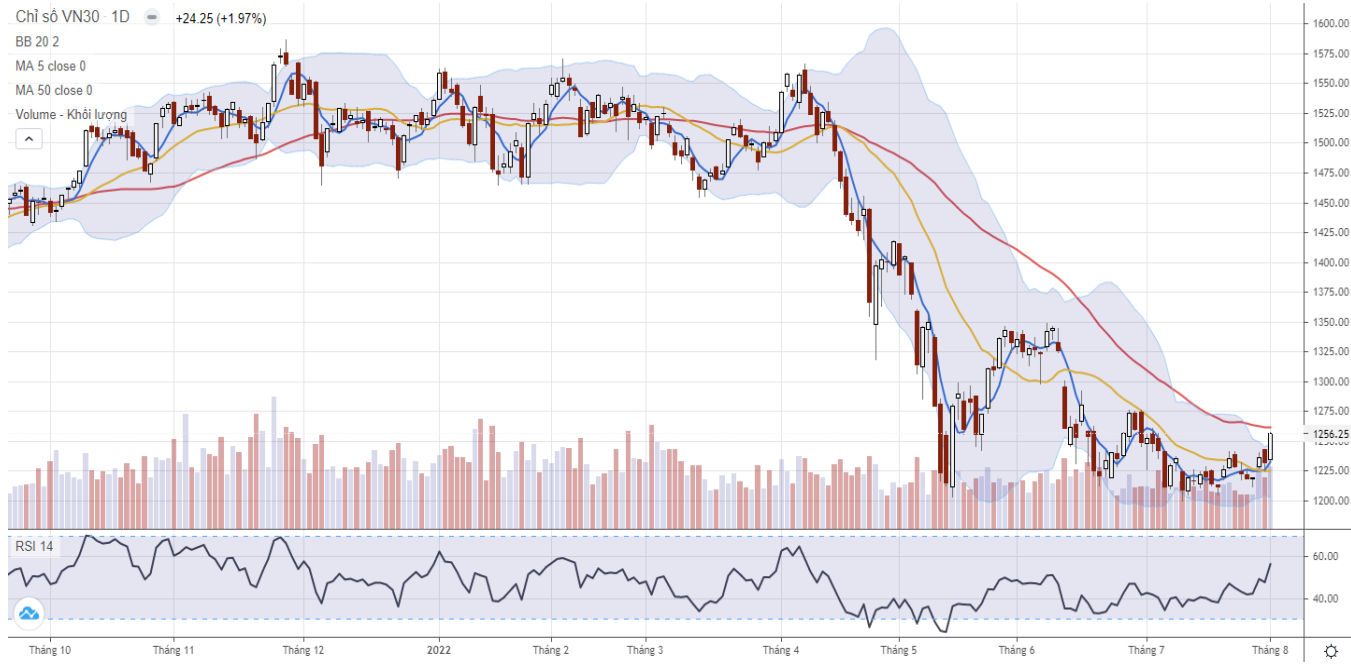
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



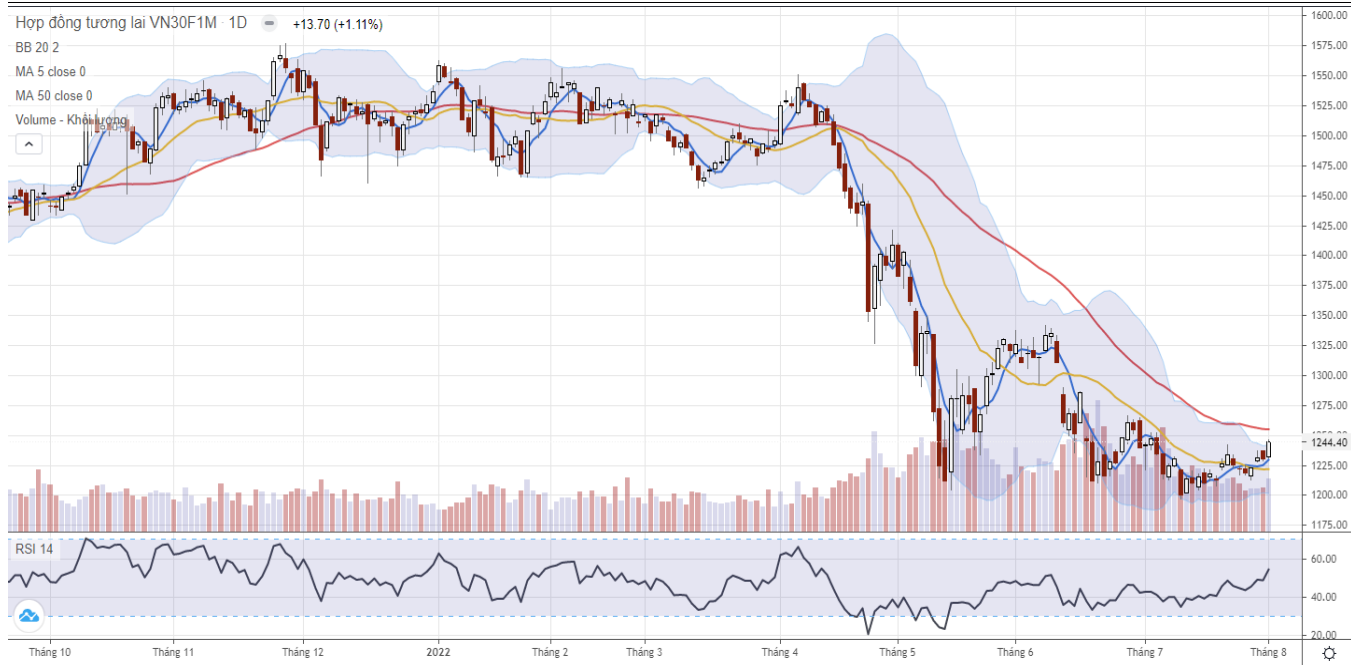
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex diễn biến tích cực trong phiên với các nhịp tăng gổ đầu và dần mở rộng đà tăng về cuối phiên.
- Xung lực tăng điểm tích cực cùng thanh khoản cải thiện đã giúp cho chỉ số vượt qua vùng kháng cự gần quanh 1220, tương ứng với MA50. Mặc dù xu hướng giảm điểm vẫn đang đóng vai trò chủ đạo, cơ hội mở rộng thêm đà tăng và hướng lên vùng kháng cự kế tiếp quanh 1260 của VNIndex vẫn được đánh giá cao. Rủi ro điều chỉnh mạnh chỉ trở nên hiện hữu nếu xuất hiện các phiên phân phối lớn hoặc tăng điểm nhưng đi kèm sự sụt giảm của KLGD.
- NĐT được khuyến nghị tiếp tục nắm giữ các vị thế đã mở và có thể hạ dần tỷ trọng khi chỉ số tiếp cận vùng cản đã đề cập.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1256 - 1260

Kháng cự gần: 1248 - 1252

Hỗ trợ gần: 1233 - 1236

Hỗ trợ xa: 1223 - 1227

- F1 diễn biến tích cực trong phiên với các nhịp tăng gối đầu và dần mở rộng đà tăng về cuối phiên.
- Xung lực tăng điểm tích cực đã giúp cho chỉ số vượt qua vùng kháng cự gần quanh 123x thành công. Mặc dù xu hướng giảm điểm vẫn đang đóng vai trò chủ đạo, cơ hội mở rộng thêm đà tăng và hướng lên vùng kháng cự kế tiếp quanh 125x của F1 vẫn được đánh giá cao.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Ưu tiên mở LONG tại các vùng hỗ trợ và mở Short tại các ngưỡng kháng cự.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Tiếp tục nắm giữ các vị thế Long đã mở.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

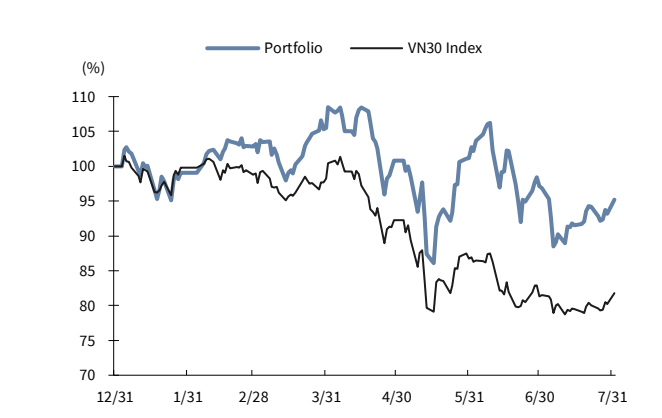
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	1.97%	2.18%
Tăng lũy kế (YTD)	-18.20%	-4.81%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 01/08/2022	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	61,300	0.5%	58.7%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Binh Son Refinery (BSR)	30/06/2022	24,400	-0.4%	-14.4%	- Crack spread sẽ tiếp tục được duy trì ở mức cao - Dự án nâng cấp nhà máy đang được xem xét lại phương án đầu tư
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	117,000	2.6%	52.6%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Nam Tan Uyen (NTC)	11/11/2021	174,600	0.6%	-9.1%	- Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	76,000	1.1%	157.1%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	84,000	0.6%	246.3%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	28,700	5.5%	51.8%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	107,900	0.4%	47.0%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	22,800	6.0%	104.8%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	39,550	4.9%	284.9%	- Giá bán khu đô thị Trảng Dục cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
SSI	6.8%	22.2%	113.8
STB	2.0%	21.8%	104.6
HPG	6.1%	20.4%	75.9
CTG	5.5%	26.6%	65.4
KBC	4.9%	19.2%	65.3

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
DGC	1.9%	14.5%	-41.7
TLG	6.9%	24.7%	-31.6
FUEVFNVD	-0.2%	96.7%	-11.8
VGC	-0.7%	5.7%	-10.4
FRT	2.8%	18.2%	-7.5

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
IDC	1.0%	2.0%	4.1
TNG	1.5%	4.0%	3.0
PCG	2.9%	43.5%	0.2
TA9	0.7%	15.1%	0.2
VCS	2.5%	3.1%	0.1

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
PVS	2.2%	8.9%	-14.8
NVB	0.4%	12.1%	-1.0
SHS	8.4%	6.7%	-0.6
MCF	0.0%	5.5%	-0.5
HUT	2.7%	1.0%	-0.3

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dịch vụ tài chính	7.5%	SSI, VND
Truyền thông	6.4%	ADG, YEG
Ngân hàng	5.6%	VCB, BID
Xây dựng và Vật Liệu	5.5%	VGC, VCG
Bảo hiểm	5.4%	BVH, BIC

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bán lẻ	-2.0%	MWG, FRT
Công nghệ thông tin	-0.9%	FPT, ST8
Y tế	0.1%	OPC, TNH
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.7%	REE, SVI
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	1.9%	VSH, PGV

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Xây dựng và Vật Liệu	11.2%	VGC, VCG
Dịch vụ tài chính	8.8%	SSI, VCI
Bảo hiểm	7.2%	BVH, BIC
Truyền thông	5.8%	ADG, YEG
Ngân hàng	5.4%	BID, VCB

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bán lẻ	-8.4%	MWG, FRT
Hàng cá nhân & Gia dụng	-1.8%	PNJ, MSH
Công nghệ thông tin	-1.7%	FPT, ITD
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.4%	GAS, VSH
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.2%	REE, SVI

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDm)	GTGD (VNDtriệu, USDm)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	87,423 (3.7)	22.5	71.7	30.5	14.7	3.5	7.5	2.4	2.2	1.1	-3.9	-10.9	-32.0
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	141,111 (6.0)	26.6	8.3	7.0	35.9	22.6	21.9	1.7	1.4	0.2	1.9	-2.3	-26.8
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	42,776 (1.8)	17.8	29.3	19.1	-7.6	7.2	10.3	2.0	1.9	3.6	10.3	1.2	-3.7
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	113,721 (4.9)	31.3	26.7	21.1	6.7	15.1	16.4	3.6	3.2	0.3	1.4	0.4	-17.9
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	28,347	19,167 (833)	29,005 (1.2)	11.6	20.4	16.6	13.7	12.9	17.2	2.4	2.1	2.7	6.1	9.0	-17.0
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	198,333 (8.5)	13.9	14.1	13.9	-	13.5	11.6	1.6	1.6	6.0	20.1	33.5	-24.9
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	71,170 (3.0)	6.3	13.6	11.3	11.7	21.3	21.8	2.6	2.2	3.1	5.6	4.1	-2.3
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	74,207 (3.2)	12.7	15.5	12.8	-5.3	16.0	17.2	2.1	1.7	4.6	10.2	11.3	5.1
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	168,095 (7.2)	0.0	6.3	5.3	14.3	20.8	19.8	1.2	1.0	1.8	4.9	7.2	-22.8
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	114,870 (4.9)	1.4	7.8	6.5	50.3	18.3	20.5	1.2	1.1	5.5	7.9	6.5	-15.3
	VPB	VIETNAM PROSPERI	22,944	101,381 (4,406)	261,088 (11.2)	0.0	7.0	6.7	18.8	20.3	17.0	1.3	1.1	1.4	5.2	0.0	-18.7
	MBB	MILITARY COMMERC	19,407	73,327 (3,187)	186,655 (8.0)	0.0	6.5	5.3	14.6	23.8	22.8	1.3	1.1	3.3	5.0	9.5	-8.3
	HDB	HDBANK	20,400	40,641 (1,766)	35,248 (1.5)	4.2	6.9	5.7	23.3	22.9	22.3	1.4	1.1	2.3	4.7	0.8	-19.9
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	385,181 (16.5)	14.0	12.7	11.5	26.5	11.6	14.9	1.2	1.1	2.0	10.3	14.5	-20.0
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	44,944 (1.9)	0.0	11.8	6.6	37.4	22.3	21.0	1.3	1.1	2.4	-0.5	-0.2	-33.6
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	5,587 (0.2)	0.2	-	-	27.3	12.6	11.9	-	-	0.5	-1.1	-6.9	-10.5
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	68,346 (2.9)	21.0	18.5	15.2	15.8	9.0	11.9	1.9	1.7	2.4	6.9	11.5	5.7
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	5,206 (0.2)	14.2	13.8	11.2	9.1	13.0	15.2	1.5	1.4	0.2	0.7	-6.2	-35.4
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	396,858 (17.0)	55.4	8.3	7.7	-3.2	19.3	16.4	1.3	1.1	6.8	11.5	15.7	-53.2
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,500	9,108 (396)	167,664 (7.2)	71.9	9.4	9.0	-4.0	24.7	20.6	1.9	1.8	6.2	11.4	21.6	-40.9
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	181,771 (7.8)	52.4	9.6	9.3	-19.0	18.2	15.9	1.5	1.4	3.6	5.0	25.2	-40.5
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	423,406 (18.1)	27.2	8.8	7.4	36.3	25.7	24.3	2.0	1.6	6.8	8.8	9.7	-38.7
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	124,894 (5.3)	42.1	17.0	15.6	4.0	28.3	29.3	4.5	4.3	1.0	0.8	-0.3	-14.9
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	17,794 (0.8)	36.9	27.4	22.9	7.3	20.0	21.3	5.0	4.4	1.7	10.9	18.9	21.2
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	66,085 (2.8)	16.5	24.9	19.6	-51.9	17.4	19.5	4.0	3.3	3.1	0.7	-0.1	-23.2
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	80,578 (3.4)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-6.3	-11.1	16.9	-50.4
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	62,869 (2.7)	11.0	53.0	18.6	-88.5	8.9	21.6	-	-	1.1	1.0	-2.3	-0.9
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	58,382 (2.5)	10.8	19.6	16.0	-57.0	11.8	13.3	2.2	2.1	5.0	5.0	2.1	11.0
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	84,239 (3.6)	38.4	7.3	35.4	65.7	14.1	2.6	1.0	1.0	4.0	8.9	28.0	-55.2
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	14,451 (0.6)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	2.8	-0.3	3.8	-78.2
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	173,368 (7.4)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	3.5	6.3	19.9	-41.5
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	47,450 (2.0)	3.6	61.2	16.5	-52.4	1.1	3.4	0.6	0.6	2.8	11.1	15.2	-43.4
	REE	REE	51,826	18,419 (800)	72,763 (3.1)	0.0	11.5	10.4	-4.5	16.0	14.2	1.7	1.7	1.1	-4.5	-11.6	26.5

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtỷ, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	1D	1W	1M	YTD		
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	75,239 (3.2)	46.1	14.9	15.2	-17.5	24.2	22.0	3.5	3.2	0.4	3.1	-4.5	12.2
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	35,467 (1.5)	31.4	12.3	11.2	-10.5	15.5	15.4	1.7	1.7	0.8	0.8	3.8	-0.4
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	974 (0.0)	34.1	21.3	9.5	-5.1	5.9	12.5	-	-	0.3	0.0	-0.8	-27.0
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	453,880 (19.4)	18.0	4.8	4.8	21.9	28.6	22.1	1.1	0.9	6.0	4.1	1.8	-36.1
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	138,570 (5.9)	36.5	4.4	7.1	-0.5	32.3	19.2	1.3	1.2	1.9	3.3	-8.1	-9.1
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	113,549 (4.9)	46.5	5.7	8.1	-4.5	35.7	20.6	1.7	1.5	2.6	6.4	-4.6	-18.1
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	121,309 (5.2)	38.9	3.8	4.3	67.9	23.1	15.8	0.7	0.6	6.8	2.8	7.1	-51.6
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	51,024 (2.2)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	1.6	2.0	8.7	-38.4
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	19,550 (0.8)	4.6	19.5	15.9	-51.0	11.0	12.4	2.1	1.9	1.7	1.7	3.0	-22.4
	PVD	PETROVIETNAM DRI	19,500	9,854 (428)	75,133 (3.2)	39.9	32.6	16.3	-11.9	1.9	4.1	0.7	0.6	3.9	7.7	4.2	-29.2
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	33,583 (1.4)	35.9	7.8	6.9	2.2	14.0	14.7	1.1	1.0	3.7	3.4	-4.4	-18.7
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	198,619 (8.5)	0.0	14.8	12.5	14.4	25.7	26.0	3.5	2.9	0.5	-3.2	12.8	-9.8
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	71,078 (3.0)	0.0	17.4	14.1	2.4	23.8	23.2	3.3	2.7	2.6	3.4	-8.7	21.6
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	5,653 (0.2)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	0.0	5.6	6.5	-3.9
	FRT	FPT DIGITAL RETA	18,800	2,227 (097)	106,339 (4.5)	30.3	15.9	13.8	-75.2	30.0	27.0	4.2	3.3	2.8	-3.3	16.7	10.8
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	29,414 (1.3)	34.6	9.3	11.0	41.2	32.7	24.6	2.7	2.5	1.6	3.0	4.9	-4.6
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	826 (0.0)	45.4	14.6	13.6	10.7	21.3	20.6	2.9	2.6	-0.3	0.5	4.7	-18.6
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	56,667	61,301 (2,664)	120,037 (5.1)	0.0	17.6	14.4	15.5	26.8	28.3	4.4	3.8	0.6	-1.6	-4.5	8.4

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình
Giám đốc Khối Phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu
Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp
hieudd@kbsec.com.vn

Nguyễn Anh Tùng
Chuyên viên cao cấp – Tài chính & Công nghệ
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Hoàng Bảo Nga
Chuyên viên cao cấp – Bất động sản nhà ở
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Đức Huy
Chuyên viên phân tích – Ngân hàng
huynd@kbsec.com.vn

Tiêu Phan Thanh Quang
Chuyên viên phân tích – Bất động sản công nghiệp & Logistics
quangtpt@kbsec.com.vn

Khối Phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh
Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư
anhhd@kbsec.com.vn

Lê Hạnh Quyên
Chuyên viên phân tích – Vĩ mô & Ngân hàng
quyenlh@kbsec.com.vn

Thái Hữu Công
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
congth@kbsec.com.vn

Trần Thị Phương Anh
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
anhhttp@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ
Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương
Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656
Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276
Email: ccc@kbsec.com.vn
Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.